

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/DS-ST

Ngày: 19 - 11 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất, tranh chấp
quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp
đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truyện;

2. Ông Nguyễn Văn Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quây - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Bà Lê Thị Hồng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2023/TLST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-DS ngày 28/8/2025, quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V2.

Địa chỉ trụ sở: Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ chi nhánh L2: Số H N, Khu phố C, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn D1. Địa chỉ liên lạc: Số F L, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (nay là Ấp C, xã B, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà C: Ông Bùi Linh T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện M, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm:

3.1. Ông Trần Văn V, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (nay là Ấp C, xã B, tỉnh Tây Ninh).

3.2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1937.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn S1, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Khu phố C, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An (nay là Khu phố A, phường K, tỉnh Tây Ninh).

3.3. Ông Trần Ngọc V1, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

3.4. Ông Trần Bé T1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu phố C, Phường C, thị xã K, Long An (nay là Khu phố A, phường K, tỉnh Tây Ninh).

3.5. Ông Trần Bé N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu phố B, Phường C, thị xã K, Long An (nay là Khu phố A, phường K, tỉnh Tây Ninh).

3.6. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

3.7. Ông Trần Văn S1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố C, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An (nay là Khu phố A, phường K, tỉnh Tây Ninh).

3.8. Ông Trương Văn H1, sinh năm 1966.

3.9. Ông Trương Chí H2, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh).

3.10. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số C, ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.11 Phòng C3 (nay là Văn phòng C4).

Địa chỉ: Khu phố A, phường K, tỉnh Tây Ninh

Tại phiên toà có mặt ông Phan Văn D1, ông Bùi Linh T, ông Trần Văn S1, ông Trần Ngọc V1; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2023 của Ngân hàng TMCP V2 và phần trình bày của người đại diện theo uỷ quyền trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V có ký hợp đồng số LN2012153153144 ngày 22/12/2020 và khế ước nhận nợ ngày 21/12/2021 vay Ngân hàng TMCP V2 với số tiền 1.700.000.000 đồng, ngày giải ngân là 21/12/2021, thời hạn trả toàn bộ nợ gốc là ngày 21/12/2022, trả nợ lãi hàng tháng. Lãi suất tại thời điểm cho vay là 9,5%/năm, lãi suất không cố định, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích bà C và ông V vay để bổ sung vốn kinh doanh.

Từ khi vay tiền đến nay bà C và ông V thanh toán được số tiền lãi là 11.299.576 đồng, toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại chưa thanh toán. Bà C, ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi từ ngày 15/02/2022 nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP V2 yêu cầu bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V thanh toán số tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 19/11/2025 theo mức lãi quá hạn là 1.433.067.646 đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi yêu cầu là 3.133.067.646 đồng. Ngoài ra yêu cầu bà C, ông V tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng kể từ ngày 20/11/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ tính theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Về tài sản bảo đảm: Ngày 21/12/2020, bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 4394, quyển số 12 tại Văn phòng C5 thế chấp cho Ngân hàng TMCP V2 tài sản là quyền sử dụng đất gồm 05 thửa là 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 cùng tờ bản đồ số 8, vị trí đất tại Phường C, thị xã K, tỉnh Long An để bảo đảm cho khoản vay trên. Hợp đồng thế chấp có đăng ký bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K.

Khi làm thủ tục thế chấp, Ngân hàng có xuống thẩm định giá và thẩm định hiện trạng tài sản, trên đất có căn nhà lá cột cây có ông Trần Văn S1 đang ở đây (có hình ảnh chụp kèm theo hồ sơ thẩm định), ông S1 có biết về việc bà C thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng, khi đó bà C có thông báo cho Ngân hàng biết căn nhà lá của bà C, vì giá trị không lớn nên Ngân hàng không thẩm định giá căn nhà, tại thời điểm thế chấp thì đất không có tranh chấp nên việc bà C thế chấp tài sản cho Ngân hàng để bảo đảm khoản vay là đúng quy định pháp luật.

Căn nhà cấp 4 hiện nay trên đất thế chấp được phía ông S1, bà S xây cất sau thời điểm đất đã thế chấp cho Ngân hàng và sự việc đang có tranh chấp, khi cất nhà không thông báo cho Ngân hàng biết cho đến khi Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ mới phát hiện. Việc xây cất nhà trên đất nông nghiệp không xin giấy phép là vi phạm pháp luật và vi phạm thoả thuận cam kết thế chấp đất, phía ông S1 biết đất đang có tranh chấp mà vẫn cất nhà nên lỗi thuộc về phía ông S1, đề nghị Toà án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý việc cất nhà nêu trên.

Nay Ngân hàng yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký giữa Ngân hàng với bà C, ông V. Trường hợp ông V, bà C không trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo thửa đất số 1075, 1128 tờ bản đồ số 8, vị trí đất tại Phường C, thị xã K theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY875219 do UBND thị xã K cấp ngày 04/5/2015; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất các thửa số 1065, 1067, 1071 tờ bản đồ số 8, vị trí đất tại P, thị xã K theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY875220 do UBND thị xã K cấp ngày 04/5/2015.

Đối với phần tài sản trên đất thế chấp là căn nhà cấp 4, phần đất đổ nền của bà Nguyễn Thị S và một số cây trồng của ông Trần Văn S1 thì Ngân hàng đồng ý khi xử lý tài sản thế chấp hoàn trả lại giá trị cho những người này.

Đối với căn nhà lá cột cây hiện nay không còn thì Ngân hàng không có ý kiến, yêu cầu gì.

Về việc bà Nguyễn Thị S rút đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà Trần Thị Kim C thì Ngân hàng thống nhất, không có ý kiến yêu cầu.

Về việc bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V rút yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trần Văn S1 thì Ngân hàng thống nhất, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trần Thị Kim C và người đại diện theo uỷ quyền của bà C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà Trần Thị K và ông Trần Văn V là vợ chồng. Nay bà C thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V2. Bà C đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 19/11/2025 theo mức lãi quá hạn là 1.433.067.646 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/11/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về tài sản bảo đảm: Khi vay tiền, bà C có ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng TMCP V2 các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 tờ bản đồ số 8, vị trí đất tại P, thị xã K (nay là phường K, tỉnh Tây Ninh). Đây là tài sản của bà C, nguồn gốc được cha mẹ tặng cho, bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi thế chấp đất thì trên đất bà C có cho ông Trần Văn S1 ở nhờ, lúc này bà S chưa về đây ở, sau này bà S mới về sống chung với ông S1.

Trường hợp không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì bà C đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký ngày 21/12/2020 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Đồng ý với ý kiến của Ngân hàng về việc sau khi xử lý tài sản thế chấp sẽ hoàn trả lại giá trị căn nhà cấp 4, giá trị đất đổ nền và cây trồng trên đất cho bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn S1.

Bà C đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Bà C cũng rút lại yêu cầu khởi kiện phản tố tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trần Văn S1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S1 trả cho ông V, bà C quyền sử dụng đất các thửa số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại Phường C, thị xã K, tỉnh Long An. Ngày 19/11/2025, ông V nộp đơn rút yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022, đơn khởi kiện ngày 20/02/2023 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S, phần trình bày của bà S và của người đại diện theo uỷ quyền của bà S trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện bà Trần Thị Kim C yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký ngày 16/4/2015 tại Văn phòng C6 3 tỉnh Long An đối

với các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 cùng thuộc tờ bản đồ số 8, vị trí đất tại Phường C, thị xã K. Tuy nhiên, ngày 11/11/2025, bà S nộp đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà Trần Thị Kim C.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V2 yêu cầu bà C và ông V thanh toán tiền nợ vay gốc, lãi thì bà S không có ý kiến gì.

Khi bà C thế chấp các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 cho Ngân hàng TMCP V2 thì bà S không biết, nay bà S không đồng ý vì các thửa đất này nguồn gốc của vợ chồng bà S và ông Trần Văn H3 (đã chết), năm 2015 bà S và ông H3 chỉ cho bà C mượn để vay ngân hàng. Bà C đã lừa dối vợ chồng bà S, ông H3 ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Vào cuối năm 2023 bà Nguyễn Thị S có cất một căn nhà cấp 4 và có đồ đạc nâng nền trên thửa đất số 1067, đây là tài sản của bà S còn ông S1 chỉ sống chung với mẹ. Khi làm nhà không thông báo cho ai biết, không xin giấy phép xây dựng. Căn nhà lá trước đây của ông S1 đã tháo dỡ vào năm 2024.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S1 trình bày:

Hiện nay ông S1 đang sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị S trên các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 cùng thuộc tờ bản đồ số 8, vị trí đất tại Phường C, thị xã K. Căn nhà cấp 4 xây cất trên đất thế chấp là của bà Nguyễn Thị S, phần đất đồ nền cũng là của bà S. Trên đất ông S1 có trồng một số cây, căn nhà lá của ông S1 đã tháo dỡ vào năm 2024.

Tại thời điểm bà Trần Thị Kim C thế chấp đất cho Ngân hàng TMCP V2 thì ông S1 có căn nhà lá trên đất và đang sinh sống tại đây nhưng ông không biết về việc thế chấp. Nguồn gốc đất là của bà S và ông Trần Văn H3 (đã chết) trước đây chỉ cho bà C mượn để vay ngân hàng, vào năm 2015 bà C đã lừa dối ông H3 và bà S ký hợp đồng tặng cho đất.

Ông S1 thống nhất với việc rút đơn khởi kiện của bà S, về việc bà C và ông V rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất thì ông không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc V1 trình bày:

Ông Trần Ngọc V1 là con của bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn H3 (đã chết), ông V1 là em của bà Trần Thị Kim C. Ông V1 thống nhất về việc bà S rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà C. Ông yêu cầu Toà án mời bà C ra Toà để trình bày, không đồng ý việc bà Chi ủy Q cho ông Bùi Linh T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Bé T1 vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Bé N, bà Trần Thị Kim H vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án có trình bày: Ông bà là con của bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn H3 (ông H3 chết năm 2017). Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 16/4/2015 giữa bà S với bà C là giả mạo vì cha mẹ của ông bà chỉ cho bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng chứ không tặng cho đất, bà C đã lợi dụng cha mẹ ông bà không biết chữ để làm hợp đồng tặng cho.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc L vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc L là con của ông Trần Văn H3 và bà Nguyễn Thị Ánh H4, bà H4 và ông Trần Văn H3 không có đăng ký kết hôn. Ông L biết bà Nguyễn Thị S có nộp đơn khởi kiện bà Trần Thị Kim C đối với các thửa đất tọa lạc tại Khu phố C, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An, không rõ số thửa. Ông L ý kiến như sau: Ông L có gặp và trao đổi với bà Trần Thị Kim C thì bà C thừa nhận với ông L là chỉ mượn đất của ba mẹ để làm ăn, đợi khi nào có tiền thì rút và trả lại cho ông H3 với bà S, bà C không lấy đất.

Ông L không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng C4 có văn bản đề nghị vắng mặt và có ý kiến trình bày: Việc chứng nhận văn bản công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà S, ông H3 với bà C được công chứng viên thực hiện đúng trình tự thủ tục công chứng theo quy định của pháp luật tại thời điểm chứng nhận. Việc bà Nguyễn Thị S yêu cầu tuyên bố huỷ văn bản công chứng là không có cơ sở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông ông Trương Văn H1, ông Trương Chí H2 vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm.

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của BLTTDS. Tuy nhiên, ông Trần Văn V, ông Trương chí H2, ông Trương Văn H1, ông Trần Bé T1, ông Trần B Năm vắng mặt, chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70 của BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án dân sự:

Về quá trình thụ lý vụ án: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp và tiến hành thụ lý yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật về “Thẩm quyền giải quyết những tranh chấp về dân sự” được quy định tại khoản 2, 3, 9 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 184 của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án cũng như tại phiên tòa xác định được như sau:

Xét nguồn gốc đất: Ngày 22/12/1998 ông Trần Văn H3 được UBND huyện M, Long An (cũ) cấp giấy CNQSDĐ các thửa đất số 1063, 1065, 1067, 1071, 1072, 1073, 1074, 1075, 1076, 1126, 1127, 1128 thuộc tờ bản đồ số 8 tọa lạc xã T, TX. K, Long An có nguồn gốc đất cấp năm 1983. Ngày 19/9/2005 chuyển quyền sử dụng đất thửa 1126, 1127 tổng diện tích 18.600m² cho ông Trần Bé T1. Ngày 13/01/2009 tặng cho thửa 1076, 1074 tổng diện tích 11.918m² cho ông Trần Văn S1 và bà Huỳnh Thị Diễm C1. Ngày 14/5/2009 thế chấp quyền sử dụng đất đối với các thửa đất còn lại cho Ngân hàng N1. Ngày 29/6/2010 đã tặng cho các thửa đất số 1063, 1073 diện tích 7.518m² cho bà Trần Thị Kim L1.

Ngày 16/4/2015 Ông Trần Văn H3 và bà Nguyễn Thị S tặng cho quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 cho bà Trần Thị Kim C. Ngày 04/5/2015 bà Trần Thị Kim C được cấp giấy CNQSDĐ cho các thửa đất nêu trên.

Ngày 22/12/2020 ông Trần Văn V và bà Trần Thị Kim C đã thế chấp các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 cho Ngân hàng TMCP V2 – Chi nhánh L2 – Phòng G.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V2 nhận thấy: Ngày 22/12/2020 ông Trần Văn V và bà Trần Thị Kim C có ký hợp đồng tín dụng LN2012153153144 với Ngân hàng TMCP V2 để vay số tiền 1.700.000.000đ mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Khi vay ông V bà C có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 thuộc tờ bản đồ số 8, toạ lạc tại Phường C, TX. K, Long An (nay Phường K, Tây Ninh) cho Ngân hàng và được Văn phòng C5 công chứng theo quy định. Trong hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp có chữ ký xác nhận của ông V, bà C. Như vậy, có thể xác định việc thỏa thuận vay tiền giữa ông V, bà C với Ngân hàng TMCP V2 T2 là hoàn toàn có thật.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 100, Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật”*. Theo quy định nêu trên thì giữa Ngân hàng TMCP V2, ông V bà C có thỏa thuận thời hạn vay tiền, số tiền vay, thời hạn trả tiền vay và mức lãi suất vay.

Vào ngày 11/3/2022 Ngân hàng TMCP V2 – Chi nhánh L2 – Phòng G đã có văn bản thông báo thu hồi nợ cho ông V bà C.

Do ông V bà C đã vi phạm quy định trong hợp đồng cấp tín dụng, nên Ngân hàng TMCP V2 khởi kiện ông V và bà C có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc 1.700.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số LN2012153153144 ngày 22/12/2020 và nợ lãi tính đến ngày 19/11/2025 là 1.433.067.646 đồng là hoàn toàn phù hợp.

Xét về nghĩa vụ liên đới trả nợ khi vay tiền thì bà C và ông V đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp và mục đích vay tiền để phát triển kinh tế gia đình. Do đó, có cơ sở buộc ông V và bà C có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP V2 theo quy định tại Điều 288 BLDS và Điều 27 Luật HNGĐ.

Đối với yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 của Ngân hàng nhận thấy: Căn cứ vào biên bản thẩm định tại chỗ ngày 05/9/2024 đối với các thửa số 1065, 1071, 1075, 1128 ông S1 đang tiến hành trồng lúa. Đối với thửa 1067 có một căn nhà cấp 4, kết cấu tường xây gạch, nền lát gạch men, mái tôn có la thông, căn nhà trên do bà S và ông S1 đang sinh sống. Căn nhà được xây dựng cuối năm 2023 trước khi làm nhà có đồ đất nền. Trên thửa đất 1067 còn có 05 cây mít 03 năm tuổi, 14 cây dừa 03 năm tuổi, 02 cây dừa

nhỏ hơn 03 năm tuổi. Về đất nền ông S1 không yêu cầu cơ quan nào định giá, không yêu cầu xem xét giá trị khối lượng đất đổ nền. Về kết quả định giá đất và cây trồng trên đất ông S1 không có ý kiến gì. Khi thế chấp Ngân hàng có thẩm định trên đất có nhà lá của ông S1, ông S1 có biết việc bà C thế chấp đất cho Ngân hàng. Bà C có thông báo cho Ngân hàng về việc cho ông S1 mượn đất ở. Khi Toà án thẩm định thì tài sản trên đất là nhà lá của ông S1 trước đây đã bị tháo dỡ thay vào đó là căn nhà cấp 4. Tại phiên toà ông S1 là người đại diện cho bà S cho rằng căn nhà cấp 4 và đất đổ nền trên đất là của bà S, còn các cây trồng trên đất là do ông S1 trồng. Ngân hàng đề nghị trường hợp ông V, bà C không trả nợ, thì ngân hàng sẽ yêu cầu xử lý tất cả tài sản thế chấp trong đó bao gồm tài sản gắn liền với đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đồng ý về việc hoàn trả lại giá trị tài sản trên đất cho ông S1 và bà S theo quy định.

Từ phân tích nêu trên xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 được Văn phòng C5 công chứng chứng thực đã lập vào ngày 21/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP V2 với ông V và bà C.

Đối với yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 16/4/2015 giữa ông Trần Văn H3 và bà Nguyễn Thị S với bà Trần Thị Kim C đối với các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 nhận thấy: Căn cứ biên bản ghi lời khai và đơn xin rút yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S vào ngày 11/11/2025 và ý kiến của ông Trần Văn S1 là người đại diện theo uỷ quyền của bà S tại phiên toà hôm nay. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 217, Điều 218, Điều 244 của BLTTDS đình chỉ yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà S.

Vào ngày 21/11/2023 ông Trần Văn V và bà Trịnh Thị Kim C2 có đơn yêu cầu ông Trần Văn S1 trả lại các thửa số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128. Tuy nhiên, ông V và bà C2 tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện nêu trên. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 217, Điều 218, Điều 244 của BLTTDS đình chỉ đối với yêu cầu nêu trên của bà C2, ông V.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 2, 3, 9 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, c khoản 1, Điều 39; Điều 184; Điều 217, 218, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 288, Điều 317, Điều 319, Điều 385, Điều 401 của BLDS năm 2015 và Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27, Điều 45 Luật Đất đai năm 2024; Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 100, Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V2; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà S, bà C2, ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà Trần Thị Kim C, yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín

dụng của Ngân hàng TMCP V2 với bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V. Xét thấy, bà C và ông V có địa chỉ cư trú tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh). Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 và của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tây Ninh) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S, được Tòa án thụ lý số 07/2023/TLST-DS ngày 23/02/2023 về tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 cùng thuộc tờ bản đồ số 8, vị trí đất tại phường C, thị xã K, tỉnh Long An; yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Kim C; yêu cầu độc lập của ông Trần Văn V về tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trần Văn S1 trong vụ án nêu trên. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V2 được Tòa án thụ lý số 63/2023/TLST-DS ngày 34/5/2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà C và yêu cầu xem xét hợp đồng thế chấp đối với các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128. Căn cứ Điều 42 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định số 01/2023/QĐNVA-DS ngày 23/6/2023 nhập hai vụ án trên thành một vụ án để giải quyết.

Căn cứ Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3] Về phạm vi khởi kiện: Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của bà S, của bà C, ông V và của Ngân hàng TMCP V2.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị S nộp đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà Trần Thị Kim C nên căn cứ các Điều 217, 218, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà S.

Bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V nộp đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trần Văn S1 nên căn cứ các Điều 217, 218, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà C và ông V.

Vì nguyên đơn bà S rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà C rút yêu cầu phản tố, riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP V2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 217 và Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự trong vụ án như sau: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V2; bị đơn bà Trần Thị Kim C; bà Nguyễn Thị S và các đương sự còn lại là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện thủ tục xác minh thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ đất tranh chấp phù hợp quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử căn cứ vào đây để xem xét giải quyết.

[5] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Văn phòng C4, bà Trần Thị Kim H, ông Nguyễn Ngọc L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ông Trần Bé T1, ông Trần Bé N,

ông Trần Văn V, ông Trương Văn H1, ông Trương Chí H2 đã được cấp tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[6] Về nội dung vụ án:

[6.1] Ngân hàng TMCP V2 yêu cầu bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V thanh toán số tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 19/11/2025 là 1.433.067.646 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LN2012153153144 ngày 22/12/2020 và khế ước nhận nợ ngày 21/12/2021 ký giữa Ngân hàng với bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V.

Bị đơn bà Trần Thị Kim C thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP V2, bà C đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên. Ông Trần Văn V vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày của các bên và quy định tại Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V2, buộc bà C và ông V có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ vay gốc và lãi như Ngân hàng yêu cầu.

[6.2] Về biện pháp bảo đảm: Ngân hàng yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 4394, quyền số 12 ký ngày 21/12/2020 tại Văn phòng C5 giữa Ngân hàng TMCP V2 với bà C và ông V để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Tài sản thế chấp gồm các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 cùng tờ bản đồ số 8, vị trí đất tại Phường C, thị xã K.

Hội đồng xét xử xét thấy, các thửa đất số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Kim C vào ngày 04/5/2015, khi bà C thế chấp đất cho Ngân hàng thì Ngân hàng có thẩm định tài sản và cung cấp được chứng cứ về việc thẩm định, tại thời điểm này đất không có tranh chấp, ông S1 biết về việc bà C thế chấp đất và không có ý kiến phản đối. Hợp đồng thế chấp được công chứng hợp pháp theo quy định Luật Công chứng, có đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định Điều 188 Luật Đất đai năm 2013, Điều 298 Bộ luật Dân sự 2015. Như vậy việc thế chấp là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà C thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là trường hợp không thanh toán được nợ thì đồng ý xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ. Bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn S1 không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp, tuy nhiên trong vụ án này bà S đã rút yêu cầu khởi kiện và không có tranh chấp, ông S1 cũng không có yêu cầu tranh chấp.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bà C, ông V là có căn cứ theo quy định các Điều 292, 299, 317, 319, 323 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, trên thửa đất số 1067 có một căn nhà tường cấp 4 và phần đất đổ nền, một số cây trồng. Tại phiên toà, ông S1 xác định căn nhà và phần đất đổ nền là của bà Nguyễn Thị S, ông S1 chỉ sống cùng nhà, cây trồng (mít, dừa) của ông S1. Tài sản trên đất được xây cất sau thời điểm đất đã thế chấp và Ngân hàng đã khởi kiện ra Toà án.

Tại phiên toà nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 và đại diện bị đơn cũng thống nhất khi cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì đồng ý hoàn trả giá trị tài sản trên đất cho người thứ 3 là bà S, ông S1 cũng là bảo đảm quyền lợi cho bà S, ông S1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng, gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản, tổng số tiền 13.577.000 đồng do nguyên đơn bà S đã nộp tạm ứng. Do bà S rút yêu cầu khởi kiện nên căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử buộc bà S phải chịu chi phí này, trừ vào số tiền nộp tạm ứng nên được xem là đã nộp xong.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[9] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. đương sự phải chịu án phí theo quy định, cụ thể bà C và ông V phải chịu số tiền án phí là 94.661.000 đồng, tuy nhiên bà C và ông V có đơn đề nghị miễn án phí, căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bà C và ông V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 217, 218, 227, 228, 244, 245, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Áp dụng các Điều 288, 292, 299, 317, 319, 320, 321, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 166, 167, 188 của Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng các Điều 26, 27, 45 Luật Đất đai 2024;

Áp dụng Điều 12, 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà Trần Thị Kim C.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V về tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trần Văn S1.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V.

3.1. Buộc bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP V2 số tiền nợ vay gốc là 1.700.000.000 đồng, nợ lãi là 1.433.067.646. Tổng nợ gốc và lãi là 3.133.067.646 đồng (Ba tỷ một trăm ba mươi ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng) theo hợp đồng tín dụng số LN2012153153144 ngày 22/12/2020 và Khế ước nhận nợ ngày 21/12/2021 ký giữa Ngân hàng TMCP V2 – Chi nhánh L2 – Phòng G với bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V.

3.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 20/11/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LN2012153153144 ngày 22/12/2020 và Khế ước nhận nợ ngày 21/12/2021 ký giữa Ngân hàng TMCP V2 – Chi nhánh L2 – Phòng G với bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V.

3.3. Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký ngày 21/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP V2 – chi nhánh L2 – L2 với bà Trần Thị Kim C tại Văn phòng C5, số công chứng 4394 quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất các thửa số 1065, 1067, 1071, 1075, 1128 cùng thuộc tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại Phường C, thị xã K, tỉnh Long An (nay là phường K, tỉnh Tây Ninh) để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bà Trần Thị Kim C, ông Trần Văn V không thanh toán đúng, đủ số nợ cho Ngân hàng TMCP V2 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký ngày 21/12/2020 số công chứng 4394 quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C5 để bảo đảm thi hành án. Trong đó, khi xử lý thửa đất số 1067 tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại Phường C, thị xã K, tỉnh Long An (nay là phường K, tỉnh Tây Ninh) thì số tiền thu được sau khi xử lý toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải thanh toán lại giá trị tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 và giá trị đất đồ nền cho bà Nguyễn Thị S, hoàn trả giá trị cây trồng trên đất (mít, dừa) cho ông Trần Văn S1.

4. Về chi phí tố tụng: Gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá là 13.577.000 đồng. Bà Nguyễn Thị S phải chịu chi phí này và đã nộp xong.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị S đã được miễn nộp tạm ứng án phí và không phải nộp án phí.

Bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V được miễn nộp án phí; bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn V được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000934 ngày 24/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

Ngân hàng TMCP V2 được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.380.235 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000963 ngày 18/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 8 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung